

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2019

V/v Ly hôn giữa bà L và ông H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thủy N;
2. Bà Nguyễn Thị Phương T;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị B, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã N, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L trình bày: Vào năm 1990, vợ chồng bà tự nguyện tìm hiểu và cưới nhau, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, dù cố gắng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm với nhau được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Phạm Thị Bích L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có ba người con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1999 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/8/2003, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản khai ngày 14/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, về thời gian ly thân, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung là: Vợ chồng cưới nhau năm 1990, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Thị Bích L. Về con chung: Ông tự nguyện thống nhất để cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/8/2003 cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ kiện Ly hôn nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] - Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã có làm đơn xin vắng mặt vào ngày 14/10/2019. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L với ông Nguyễn Văn H.

Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Bích L với ông Nguyễn Văn H là hôn nhân không hợp pháp vì ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.”

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Thị Bích L nhưng do bà Phạm Thị Bích L với ông Nguyễn Văn H không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Bích L với ông Nguyễn Văn H là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/8/2003, không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng cho con. Còn anh Nguyễn Văn D, sinh năm

1993 và chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị Bích L với ông Nguyễn Văn H tự nguyện thống nhất giữa ông bà có ba người con chung tên Nguyễn Văn D - sinh năm 1993, Nguyễn Thị Kim N - sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Quốc K - sinh ngày 25/8/2003. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1999, hiện đã trưởng thành, bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Nguyễn Quốc K - sinh ngày 25/8/2003, hiện đang sống chung với bà L, theo nguyện vọng của cháu K là muốn được sống với mẹ (bà L) sau khi cha mẹ ly hôn nên bà Phạm Thị Bích L và ông Nguyễn Văn H tự nguyện thống nhất giao cháu Nguyễn Quốc K - sinh ngày 25/8/2003 cho bà Phạm Thị Bích L được tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Phạm Thị Bích L và ông Nguyễn Văn H nên công nhận sự tự nguyện này. Bà Phạm Thị Bích L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc K - sinh ngày 25/8/2003 (Hiện đang sống với bà L). Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho con do bà Phạm Thị Bích L không yêu cầu. Bà Phạm Thị Bích L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Bích L chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà L đã nộp theo biên lai số 07389 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Không ai phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Bích L và ông Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Bà Phạm Thị Bích L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc K - sinh ngày 25/8/2003 (Hiện đang sống với bà L). Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho con do bà Phạm Thị Bích L không yêu cầu. Bà Phạm Thị Bích L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008”(sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TXN;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương T

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thủy Nông – Nguyễn Thị Phương Trang

Nguyễn Phương Thảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TXHN;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo